



**PHỤ LỤC 4: ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
3 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

(Đính kèm Công văn số 1315/UBND-KT ngày 29 tháng 4 năm 2021
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS)	97.002.164	13.697.646	14,12	104,18
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	92.720.489	12.054.741	13,00	105,81
I	Chi đầu tư phát triển	38.289.156	3.585.744	9,36	108,32
1	Chi đầu tư cho các dự án		3.572.666		141,89
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		9.500		1,22
3	Chi đầu tư phát triển khác		3.578		26,66
III	Chi thường xuyên	47.925.000	8.365.037	17,45	104,85
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	17.171.547	2.349.435	13,68	97,37
2	Chi khoa học và công nghệ	1.026.679	400.783	39,04	100,20
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	3.094.210	337.591	10,91	99,43
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	589.344	67.452	11,45	80,43
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	76.155	11.110	14,59	99,70
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	639.671	53.071	8,30	109,72
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	4.091.372	846.015	20,68	115,68
8	Chi sự nghiệp kinh tế	7.943.265	1.151.087	14,49	149,73
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	8.018.969	1.657.567	20,67	100,06
10	Chi bảo đảm xã hội	2.984.728	1.058.254	35,46	99,34
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.424.200	103.960	7,30	98,95
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	11.400		-	
V	Dự phòng ngân sách	3.300.000		-	
VI	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	2.273.730		-	